

LUẬN XÁ LỢI PHẤT A TỖ ĐÀM

QUYỂN 16

Phẩm 10: PHẨM ĐẠO THUỘC PHẦN PHI VẤN (Phần hai)

Lại nữa, định không có giác, không có quán, như Tỳ-kheo diệt giác quán, tín nội tịnh, nhất tâm, định không có giác, không có quán, sinh hỷ lạc, thành tựu hạnh Nhị thiền. Vì Tỳ-kheo này cố có tín nội tịnh, hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đặc duyên đặc, tín nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Nhị thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo được vị định chung có giác, có quán, có hỷ, như Tỳ-kheo quán giác, quán thô, định không có giác, không có quán, vắng lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán giác quán thô rồi, giác quán vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ. Diệt, mất, trừ rồi, nên có tín nội tịnh hỷ, lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đặc, duyên đặc, tín nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Nhị thiền. Như Tỳ-kheo, hoặc hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc đặc có giác, có quán, có hỷ chung với vị định. Như Tỳ-kheo, hành cho đến xúc thân, thường tu học, tu học rồi, tâm hướng đến vắng lặng, sự vắng lặng tôn thượng, với nghiêng hướng nơi vắng lặng, nghiêng hướng nơi vắng lặng rồi, giác quán vắng lặng, chánh vắng lặng diệt, mất, trừ. Diệt, mất, trừ rồi, có tín nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đặc duyên đặc, tín nội tịnh, hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Nhị thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định vị chung không có giác, không có quán, có hỷ, Tỳ-kheo quán tâm hỷ thô của hỷ, cũng như có bi, không có hỷ lạc vắng lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán hỷ thô rồi, hỷ vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ. Diệt mất, trừ rồi, có tín nội tịnh nhất tâm không có hỷ lạc. Đây là nhập xả tâm cầu Sơ thiền, không bằng

nhập Xả tâm của thiền định thứ ba. Nếu người nhập định này thì được ba chi chánh đặc duyên đặc nội tịnh tín, vô hỷ lạc nhất tâm gọi là định không có giác, không có quán của Thiền gian. Thiền gian của đệ nhị, đệ tam, từ Nhị thiền hưởng đến Tam thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định của vị chung không có giác, không có quán, không có hỷ lạc. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, không có tâm hỷ lạc, cũng tạo ra sự vắng lặng vượt hơn: bất khổ bất lạc. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô rồi, không có xả vắng lặng hỷ lạc, chánh vắng lặng diệt, mất, trừ. Vì diệt, mất, trừ rồi, nên có tín nội tịnh, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đặc, duyên đặc, tín nội tịnh, bất khổ lạc xả, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của không phải thiền, không phải thiền gian. Như Tỳ-kheo, nếu hành, nếu thọ giác, nếu pháp tướng, nếu phương tiện, nếu chuyên tâm, nếu tư duy, nếu xúc, được định vị chung không có giác, không có quán, không có hỷ lạc. Như hành của Tỳ-kheo, cho đến xúc thân cận thường tu học, thường tu học rồi, tâm hưởng đến sự vắng lặng, tâm hưởng đến vắng lặng, sự vắng lặng tôn thượng. Sự vắng lặng tôn thượng, nghiêng hưởng nơi vắng lặng, nghiêng hưởng nơi vắng lặng rồi, hỷ lạc vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ, diệt, mất, trừ rồi, nên có tín nội tịnh, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của không phải thiền, không phải thiền gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo hành ly hỷ, xả, niệm, chánh trí của Tỳ-kheo, thân thọ vui, như hạnh giải xả, niệm lạc của các bậc Thánh, thành tựu hạnh Tam thiền, vì Tỳ-kheo có định vị chung, xả, niệm, chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được năm chi: chánh đặc, duyên đặc, vị chung, xả, niệm, chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Tam thiền.

Như Tỳ-kheo, nếu hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc, sẽ được định không có giác, không có quán, có hỷ lạc, vị chung. Như hành của Tỳ-kheo cho đến xúc gần gũi, thường tu học, thường tu học rồi, tâm hưởng đến cảnh giới vắng lặng, sự vắng lặng tôn thượng, nghiêng hưởng nơi vắng lặng, nghiêng hưởng nơi vắng lặng rồi, vắng lặng hỷ, chánh vắng lặng, diệt mất, trừ vì diệt, mất, trừ rồi, nên có vị chung, xả, niệm, chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được năm chi: chánh đặc, duyên đặc, vị chung, xả niệm, chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Tam thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không có giác, không có quán, không có hỷ lạc, vị chung. Như Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, tâm không có hỷ lạc, cũng có tác động vắng lặng vượt hơn: xả bất khổ bất lạc. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô rồi, không có vắng lặng của hỷ lạc, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ, diệt, mất, trừ rồi, xả, niệm, chánh trí, nhất tâm. Hơi thở ra, vào của người này diệt, không bằng người nhập đệ Tứ thiền. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, bất khổ bất lạc xả, niệm, chánh trí, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của thiền gian. Thiền gian đệ tam, đệ tứ, từ ba thiền hưởng bốn thiền. Như Tỳ-kheo, nếu hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc, sẽ được định vị chung không có giác, không có quán, không có hỷ lạc. Hành của Tỳ-kheo, cho đến thân cận xúc, thường tu học, thường tu học rồi, tâm hưởng đến vắng lặng, sự vắng lặng tôn thượng, nghiêng hưởng nơi vắng lặng, nghiêng hưởng nơi vắng lặng rồi, không có hỷ lạc vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ, diệt mất, trừ rồi, có bất khổ bất lạc xả, niệm, chánh trí, nhất tâm. Hơi thở ra, vào của người này đã diệt, không kịp nhập đệ Tứ thiền. Nếu nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, bất khổ bất lạc xả, niệm, chánh trí, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của thiền gian. Thiền gian của đệ tam, đệ tứ, từ đệ Tam thiền hưởng đến đệ Tứ thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo dứt khổ, dứt lạc, trước diệt sự ưu, hỷ, xả, bất khổ bất lạc, niệm tịnh, thành tựu hạnh Tứ thiền. Như Tỳ-kheo, xả ưu hỷ, bất khổ bất lạc niệm tịnh, nhất tâm. Nếu nhập thiền này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, bất khổ bất lạc xả, niệm tịnh, nhất tâm gọi là định không có giác, không có quán của đệ Tứ thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định vị chung không có giác, không có quán, không có hỷ lạc. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, không có tâm hỷ lạc, vẫn tạo ra sự vắng lặng vượt hơn: bất khổ bất lạc xả. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô rồi, không có sự vắng lặng của hỷ lạc, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ. Vì diệt, mất, trừ rồi, nên có bất khổ bất lạc xả, niệm tịnh, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, bất khổ bất lạc xả, niệm tịnh, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Tứ thiền. Như Tỳ-kheo, hoặc hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc, sẽ được định vị chung không có giác, không có quán, không có hỷ lạc. Như Tỳ-kheo từ hành cho đến thân cận xúc, thường tu học, thường tu học rồi, tâm hưởng đến sự vắng lặng, vắng

lặng tôn thượng, nghiêng hướng nơi vắng lặng, nghiêng hướng nơi vắng lặng rồi, không có sự vắng lặng của hỷ lạc, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ, diệt, mất, trừ rồi, có bất khổ bất lạc xả niệm tịnh, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, bất khổ bất lạc xả, niệm tịnh, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của đệ Tứ thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo lia tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy ngằn ấy tướng, thành tựu hạnh vô biên Không xứ. Như Tỳ-kheo có tướng Không xứ, bất khổ bất lạc xả nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đắc, duyên đắc, tướng của Không xứ, bất khổ bất lạc xả và nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của Không xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo lia tất cả tướng Không xứ, thành tựu hạnh vô biên Thức xứ. Như Tỳ-kheo có tướng Thức xứ, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đắc, duyên đắc, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của Thức xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo lia tất cả tướng của Thức xứ, thành tựu hạnh Vô sở hữu xứ. Như Tỳ-kheo có tướng của Vô sở hữu xứ: bất khổ bất lạc xả, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đắc, duyên đắc, tướng Vô sở hữu xứ, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của Bất dụng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo lia tất cả Bất dụng xứ, thành tựu hạnh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, như Tỳ-kheo có tướng của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đắc, duyên đắc, tướng của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là định không có giác, không có quán của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Sao nói là định không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp, hoặc pháp của một chỗ, tư duy không, biết không, giải không, thọ không.

Hỏi: Do nghĩa nào không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không. Quán không buông lung như thế, sẽ được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định không.

Lại nữa, định Không gồm có sáu không: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không.

Sao nói là nội không?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tất cả pháp nội, hoặc pháp nội của một chỗ tư

duy không, biết không, giải không, thọ không.

Do nghĩa nào mà không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, chẳng biến dịch không.

Quán không buông lung như thế, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là nội không.

Sao nói là ngoại không?

Đáp: Như tất cả pháp ngoài của Tỳ-kheo, nếu là pháp ngoài của một chỗ, thì tư duy không, biết không, giải không, thọ không.

Do nghĩa nào không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, chẳng biến dịch không.

Quán không buông lung như thế, sẽ được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là ngoại không.

Nội ngoại không là thế nào?

Đáp: Như Tỳ-kheo tất cả pháp trong ngoài, hoặc pháp nội ngoại của một chỗ, thì tư duy không, biết không, giải không, thọ không.

Do nghĩa nào không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, chẳng biến dịch không.

Quán không buông lung như thế, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là nội ngoại không.

Sao nói là không không?

Đáp: Như Tỳ-kheo thành tựu hạnh định không. Tỳ-kheo tư duy không, biết không, giải không, thọ không.

Do nghĩa nào không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, chẳng biến dịch không.

Quán không buông lung như thế, sẽ được định không, tâm trụ, chánh trụ, gọi là không không.

Sao nói là Đại không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp, tư duy không, biết không, giải không, thọ không.

Do nghĩa nào không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không.

Quán không buông lung như thế, sẽ được định, tâm trụ nơi chánh trụ, gọi là đại không.

Sao nói là đệ nhất nghĩa không?

Đáp: Đệ nhất, nghĩa là Niết-bàn. Như Tỳ-kheo tư duy Niết-bàn không biết không, giải không, thọ không.

Do nghĩa nào mà không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, chẳng biến dịch không.

Quán không buông lung như thế, sẽ được định, tâm trụ chánh trụ, gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sáu không như thế gọi là định không.

Sao nói là định Vô tướng?

Đáp: Trừ định không, nếu định khác, dùng Niết-bàn của bậc Thánh làm cảnh giới, gọi là định vô tướng.

Lại nữa, định vô tướng là hành tướng có, tướng không của Niết-bàn. Hành có ba tướng: sinh, trụ, diệt, Niết-bàn không có ba tướng: Không sinh, không trụ, không diệt.

Như thế, hành có tướng, Niết-bàn không có tướng. Niết-bàn là vắng lặng là nhà cửa, là cứu hộ, là ánh sáng của đèn, là y chỉ, là không mất đi, là hưởng về, là không cháy sém, là không có âu lo phiền não, là không có ưu, bi, khổ não và các hành khác. Tư duy Niết-bàn được định, tâm trụ chánh trụ, gọi là định Vô tướng.

Sao nói là định vô nguyện?

Đáp: Trừ định không, nếu định khác dùng hữu vi của bậc Thánh làm cảnh giới, gọi là định vô nguyện. Nguyện có hai thứ: chấp mắc ái, chấp mắc kiến. Tỳ-kheo tư duy bệnh của hành khổ: ung nhọt, tên độc, chấp mắc vị. Nương duyên, pháp hư hoại, không nhất định, không đủ, có thể hủy hoại các nỗi khổ, chẳng tư duy không, vô ngã, được định, tâm trụ, chánh trụ. Tỳ-kheo ái dứt, kiến đoạn, định này có thể dứt ái, kiến, nên gọi là định Vô nguyện.

Sao nói là bốn niệm xứ?

Đáp: Như Tỳ-kheo quán nội thân, hành vi của thân, siêng năng, niệm, chánh trí, điều phục hy vọng ái của thế gian, quán thân ngoài, hành vi của thân siêng năng niệm, chánh trí, điều phục hy vọng ái của thế gian, quán thân nội ngoại, hành vi của thân, siêng năng niệm chánh trí, điều phục hy vọng ái của đời, thọ, tâm, pháp cũng như thế, gọi là bốn niệm xứ.

Sao nói là bốn chánh dứt?

Đáp: Như Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện chưa sinh, thì không để cho sinh, khởi dục (muốn), tự cố gắng thẳng tiến, nhiếp giữ tâm chánh dứt.

Pháp ác đã sinh, muốn cho dứt, khởi dục, tự cố gắng thẳng tiến,

nhiếp giữ tâm chánh dứt.

Pháp thiện chưa sinh, muốn cho sinh, khởi dục tự cố gắng tinh tiến vượt hơn, thâm nhiếp tâm chánh dứt.

Pháp thiện đã sinh, muốn cho trụ, tu đầy đủ không quên, tăng trưởng rộng lớn, khởi dục, tự cố gắng tinh tiến vượt hơn, thâm nhiếp tâm chánh dứt, gọi là bốn chánh dứt.

Sao nói là bốn thần túc?

Đáp: Như Tỳ-kheo hạnh dứt thành tựu, tu thần túc, tinh tiến tâm định, niệm định, huệ định, dứt định, thực hành thành tựu tu thần túc, gọi là bốn thần túc. Bốn thần túc, như phẩm Thiền đã nói.

Sao nói là bốn vô lượng?

Đáp: Từ, bi, hỷ, xả.

Sao nói là từ?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy niềm vui của chúng sinh, biết niềm vui, hiểu niềm vui, thọ nhận niềm vui, hoặc có chúng sinh từng xâm não Tỳ-kheo, đối với chúng sinh, tâm Tỳ-kheo chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải, Tỳ-kheo nghĩ rằng: Chúng sinh đã xâm não ta, mặc dù chúng sinh lấn hiếp, gây tổn hại ta, nhưng pháp của ta không nên đáp trả lại. Nếu ta nổi giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ tự làm tổn hại mình. Người khác đã xâm não ta, nếu ta đáp trả lại họ, là tự ta tổn hại nhiều hơn. Tỳ-kheo kia, suy nghĩ như thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, dứt trừ tâm giận, xúc não, tư duy muốn cho chúng sinh được vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh, trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, nay lại xâm não Tỳ-kheo. Đối với chúng sinh, tâm Tỳ-kheo chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo suy nghĩ rằng: Trước kia, chúng sinh chưa từng xâm não ta, nay lại xâm não ta. Mặc dù chúng sinh hiện đang xâm não ta. Hoặc là nghiệp báo đời trước của ta, ta không thể ngăn cản. Nếu ta giận, gây xúc não chúng sinh, thì chính là tự làm tổn hại mình. Người khác đã xâm lấn ta, nếu ta đáp trả lại, tự mình sẽ nhiều tổn hại. Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, gây xúc não, tư duy: muốn cho chúng sinh, được vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh trước đây chưa từng xâm não Tỳ-kheo, nay không xâm não, đang muốn xâm não. Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải, Tỳ-kheo nghĩ rằng: Chúng sinh trước đây chưa từng xâm não ta, nay, không xâm não, đang muốn xâm não ta, mặc dù chúng sinh đang muốn xâm não,

hoặc không làm, hoặc nhân duyên không nhóm họp, nếu ta giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ tự tổn hại. Người khác dù muốn xâm não ta, nhưng nếu ta đáp trả lại, thì sẽ tự tổn hại nhiều. Tỳ-kheo kia tư duy như thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận xúc não, tư duy muốn cho chúng sinh niềm vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh trước đây chưa từng xâm não Tỳ-kheo, nay, không xâm não, sẽ không xâm não, trước đây, họ chưa từng xâm não là người ái, hỷ, vừa ý của ta, nay, hiện đang xâm não ta, Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Chúng sinh trước đây chưa từng xâm não ta, nay không xâm não, sẽ không xâm não không phải thuộc người xâm não của ta vì là người ta yêu thích, vừa ý nhưng cũng từng xâm não chúng sinh. Mặc dù xâm não những người thân ta, ta cũng không nên xâm não họ. Nếu ta giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ tự tổn hại, người khác đã xâm não, nếu ta đáp trả lại chúng, thì sẽ tự mang lăm tổn hại. Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, xúc não, tư duy muốn cho chúng sinh được vui, biết vui, giải vui, thọ nhận niềm vui.

Hoặc có chúng sinh, trước kia chưa từng xâm não Tỳ-kheo, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Trước chưa từng là người ái, hỷ, vừa ý của ta. Nay, hiện xâm não người ái, hỷ, vừa ý của ta. Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: chúng sinh trước kia chưa từng lấn hiếp ta, nay không lấn hiếp, sẽ không lấn hiếp chưa từng là người ái, hỷ, vừa ý của ta. Trước kia chưa từng xâm lấn người ái, hỷ, vừa ý của ta, nay, hiện là chúng sinh xâm lấn, dù xâm lấn người ái, hỷ, vừa ý của ta, hoặc là nghiệp báo của đời trước, ta không thể ngăn nghiệp đời trước của người khác. Nếu ta giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ làm tổn hại mình. Người khác đã xâm phạm ta, nếu ta đáp trả lại, thì tự tổn hại nhiều. Tỳ-kheo kia, nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, xúc não, tư duy muốn cho chúng sinh vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh trước đây chưa từng xâm phạm, xúc não Tỳ-kheo, nay không xâm phạm, xúc não, sẽ không xúc não xâm phạm. Nếu là người ái, hỷ, vừa ý của ta, trước đây chưa từng xâm phạm, xúc não, nay không xâm não. Nếu người ái, hỷ, vừa ý của ta đang muốn xâm não, Tỳ-kheo đối với chúng sinh tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Trước kia, chúng

sinh chưa từng xâm phạm xúc não ta, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Nếu là người yêu thích, vừa ý của ta trước kia chưa từng xâm não, nay không xâm não. Nếu là người ta yêu thích, vừa ý đang muốn xâm não, mặc dù chúng sinh là người ta vẫn yêu thích, vừa ý xâm não, hoặc không làm, hoặc nhân duyên không đủ. Nếu ta giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ làm tổn hại chính mình. Người khác đã xâm não ta, nếu ta đáp trả lại, thì tự mang nhiều tổn hại. Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận xúc não, tư duy: Muốn cho chúng sinh được vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh, trước kia chưa từng xâm não Tỳ-kheo, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ưa thích, vừa ý của ta, trước kia chưa từng xâm não, nay không hề xâm não, sẽ không hề xâm não. Hoặc không là người yêu thích vừa ý của ta mà đã từng làm lợi ích cho ta. Đối với chúng sinh, tâm Tỳ-kheo bị chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Trước kia, chúng sinh chưa từng xâm não ta, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Nếu là người yêu thích, vừa ý của ta trước kia, chưa từng xâm não, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Nếu không là người yêu thích, vừa ý của ta mà từng làm lợi ích. Nếu chúng sinh nay tuy đã làm lợi ích cho ta không là người ta ưa thích, vừa ý, thì ta không nên xâm não họ. Nếu ta nổi giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ tự tổn hại mình. Người khác đã gây tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại họ, là tự mang lại cho mình nhiều tổn hại. Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, xúc não, suy nghĩ: Muốn cho chúng sinh được vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh trước, chưa từng xâm phạm, xúc não Tỳ-kheo, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Là người ưa thích, vừa ý của ta trước, chưa từng xâm não, nay không xâm não, sẽ không xâm não, là người không ưa thích, vừa ý, trước chưa từng, làm lợi ích, nếu ta không yêu thích, vừa ý họ, hay làm lợi ích. Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Trước kia, chúng sinh chưa từng xâm não ta, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Là người yêu thích, vừa ý trước kia, chưa từng xâm não, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Là người không yêu thích vừa ý trước kia chưa từng lợi ích. Hoặc là người không yêu thích, vừa ý, nay làm lợi ích. Mặc dù chúng sinh nay làm lợi ích, là người không yêu thích, vừa ý, hoặc là do nghiệp báo đời trước, ta không thể ngăn được nghiệp báo đời trước của người khác. Nếu ta giận, xúc não

chúng sinh, là đã tự tổn hại mình, người kia làm tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại họ, thì tự gây tổn hại cho mình nhiều.

Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, xúc não, tư duy: Muốn cho chúng sinh được niềm vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh trước kia chưa từng xâm não Tỳ-kheo, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Là người yêu thích, vừa ý trước kia chưa từng xâm não, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Là người không yêu thích, vừa ý trước kia chưa từng làm lợi ích nay không làm lợi ích, nếu ta không ưa thích, vừa ý, muốn làm lợi ích cho ta, Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại không thanh tịnh, không gần gũi, không mở bày. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Trước kia, chúng sinh chưa từng xâm não ta, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người yêu thích, vừa ý trước kia chưa từng xâm não, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không yêu thích, vừa ý, trước chưa từng làm lợi ích, nay không làm lợi ích, muốn làm lợi ích cho ta, nếu ta không yêu thích, vừa ý, muốn làm lợi ích, thì cho dù chúng sinh muốn làm lợi ích, là người không yêu thích, vừa ý, hoặc không làm, hoặc nhân duyên không đủ. Nếu ta nổi giận, xúc não chúng sinh, thì sẽ tự tổn hại, người khác đã gây tổn hại cho ta. Nếu ta đáp trả lại họ, thì tự mang nhiều tổn hại.

Tỳ-kheo kia đã nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục, chịu đựng đối với chúng sinh, do diệt trừ tâm giận, xúc não, tư duy: Muốn cho chúng sinh được vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Hoặc có chúng sinh trước kia chưa từng xâm phạm, xúc não Tỳ-kheo. Nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người yêu thích, vừa ý trước kia chưa từng xâm não nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không yêu thích, vừa ý, trước kia chưa từng lợi ích, nay không lợi ích, sẽ không làm lợi ích.

Như thế, người không có nhân duyên với Tỳ-kheo chúng sinh tức giận ngang trái Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải, Tỳ-kheo nghĩ rằng: Trước kia, chúng sinh chưa từng xâm não, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không yêu thích, vừa ý là trước kia chưa từng xâm não, nay, không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không yêu thích, vừa ý, trước kia chưa từng làm lợi ích, nay không làm lợi ích, sẽ không làm lợi ích, chúng sinh tức giận ngang trái, không có nhân duyên với ta, ta đối với chúng sanh tâm chướng ngại không thanh tịnh, không

gân gũ, không giải. Nếu ta giận, làm não hại chúng sinh thì sẽ làm tổn hại mình. Người khác đã gây tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại, sẽ tự tổn hại nhiều hơn. Tỳ-kheo kia, nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, xúc não, tư duy, muốn cho chúng sinh vui, biết vui, giải vui, thọ vui.

Như Tỳ-kheo, nếu đối với chúng sinh ở phương Đông, diệt tâm giận, xúc não, nghĩ: Muốn cho chúng sinh được vui, biết vui, giải vui, thọ vui. Đối với chúng sinh ở hướng Nam, Tây, Bắc, diệt tâm phiền não, nghĩ: Muốn cho chúng sinh, được vui, biết vui, giải vui, thọ vui. Như Tỳ-kheo dùng tâm từ bi mở bày khắp hạnh của một phương, thứ hai, thứ ba, thứ tư, bốn duy trên dưới, tất cả đều dùng tâm từ rộng lớn, tôn thắng, không hai, không lường, không oán thù, không giận dữ, giải khắp hạnh của các thế gian, gọi là Từ.

Sao nói là bi?

Đáp: Như Tỳ-kheo không tư duy vui (lạc) của chúng sinh, không biết vui, không giải vui, không thọ vui. Tỳ-kheo thấy chúng sinh khổ, chịu khổ, như cha mẹ, anh em, chị em, vợ, con thân thuộc, tri thức, đại thần, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Như kẻ nghèo hèn trong loài người, quỷ thần nghèo hèn trong quỷ thần, mà xót thương các chúng sinh đó, khởi tâm bi.

Hoặc có chúng sinh đã xâm não Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gân gũ, không mở bày. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Chúng sinh từng xâm não ta, dù chúng sinh xâm não ta, nhưng ta không nên xâm não chúng. Nếu ta giận, xâm não chúng sinh, thì sẽ tự làm tổn hại mình. Người khác đã gây tổn hại cho ta, nếu ta đáp trả lại họ, là tự mình mang nhiều tổn hại.

Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận, xúc não, khởi tâm bi thương xót đối với chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh trước đây, chưa từng xâm phạm xúc não Tỳ-kheo cho đến không có nhân duyên, tức giận ngang trái như trên đã nói. Như Tỳ-kheo nếu đập tắt tâm giận, xúc não đối với chúng sinh ở phương Đông, khởi tâm bi xót thương chúng sinh, diệt tâm giận, xúc não đối với chúng sinh ở phương Nam, Tây, Bắc, khởi tâm bi thương xót chúng sinh, Tỳ-kheo dùng tâm từ bi mở bày khắp hạnh của một phương, thứ hai, thứ ba, thứ tư, bốn duy trên dưới, tất cả đều dùng tâm từ rộng lớn, tôn thắng, không hai, không lường, không oán ghét, không giận dữ, giải khắp hạnh của các thế gian, gọi là bi.

Sao nói là hỷ?

Đáp: Như Tỳ-kheo, không tư duy vui của chúng sinh, không biết vui, không giải vui, không thọ vui. Tỳ-kheo đối với chúng sinh không được xót thương, không khởi tâm bi. Như Tỳ-kheo, nếu thấy chúng sinh, vui sướng thọ lạc hoặc cha mẹ, anh em, chị em, vợ con thân thuộc, trí thức, đại thần, hoặc các trời, các thiên chết, Phật, đệ chết Phật, đấng hỷ duyệt đối với chúng sinh kia, không dựa vào tưởng dục nhiễm. Hoặc có chúng sinh đã từng xâm não Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đối với chúng sinh, tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Chúng sinh đã từng xâm não ta, mặc dù chúng sinh xâm não ta, nhưng ta không nên xâm não chúng. Nếu ta xâm não chúng sinh, thì tự sẽ bị tổn hại, người khác đã gây tổn hại cho ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tổn hại nhiều do mình.

Tỳ-kheo kia đã tư duy như thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận não, được duyệt, hỷ đối với chúng sinh, không dựa vào tưởng dục nhiễm.

Hoặc có chúng sinh, trước đây, chưa từng xâm não Tỳ-kheo, cho đến không có nhân duyên mà tức giận ngang trái, như trên đã nói, nếu Tỳ-kheo đối với chúng sinh ở phương Đông, diệt trừ tâm giận, xúc não, được tâm hỷ, duyệt đối với chúng sinh, không dựa vào tưởng dục nhiễm, đối với chúng sinh của phương Nam, Tây, Bắc, diệt tâm giận não đối với chúng sinh được tâm hỷ, duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm. Tỳ-kheo dùng tâm hỷ giải khắp hạnh của một phương, thứ hai, thứ ba, thứ tư, bốn duy trên dưới, tất cả đều dùng tâm hỷ rộng lớn tôn thắng, không hai, không lường, không oán ghét, không giận dữ, giải khắp hạnh của các thế gian, gọi là hỷ.

Sao nói là xả?

Đáp: Như Tỳ-kheo không tư duy vui của chúng sinh, không biết niềm vui, không giải niềm vui, không được thương xót, không khởi tâm bi, không được hỷ, duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm. Như Tỳ-kheo chỉ duyên chúng sinh, nên được xả. Như người vào trong rừng rậm, không phân biệt đây là cây Bát-đa-la, cây Ni-câu-đà, cây Tỳ-lê-xoa, cây Ưu đầu-phi-la, cây Gia-chi, cây Gia-tỳ-da, cây Nhã-tỳ-da-la, cây Gia-ni-kha-la, cây Di-đà, cây Y-đà-già, mà chỉ thấy toàn là rừng rậm, không phân biệt được các thứ cây. Cũng thế, Tỳ-kheo không tư duy vui của chúng sinh, không biết vui, không giải vui, không thọ vui, không được thương xót, không khởi tâm bi, không được hỷ, duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm, chỉ vì duyên chúng sinh, nên được xả. Hoặc có chúng sinh đã từng xâm não Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đối với chúng sinh đó,

tâm chướng ngại, không thanh tịnh, không gần gũi, không giải. Tỳ-kheo nghĩ rằng: Chúng sinh đã từng xâm não ta, mặc dù chúng sinh xâm não ta, nhưng ta không nên xâm phạm, não hại chúng, vì nếu ta giận, não hại chúng sinh, thì sẽ tự tổn hại. Người làm tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại họ, là tự tổn nhiều. Đối với Tỳ-kheo kia, tư duy như thế rồi, có thể nhẫn nhục đối với chúng sinh, diệt trừ tâm giận não, chỉ vì duyên chúng sinh, nên được xả.

Hoặc có chúng sinh, trước, chưa từng xâm não Tỳ-kheo, cho đến tức giận ngang trái không có nhân duyên như trên đã nói. Như Tỳ-kheo, nếu diệt tâm giận não đối với chúng sinh ở phương Đông, chỉ vì duyên chúng sinh nên được xả. Đối với chúng sinh ở phương Nam Tây, Bắc, diệt trừ tâm giận, xúc não, vì chỉ duyên chúng sinh nên được xả. Như Tỳ-kheo dùng tâm xả giải khắp hạnh của một phương, thứ hai, thứ ba, thứ tư, bốn duy trên dưới, tất cả chỉ do tâm xả rộng lớn tôn thắng, không hai, không lường, không oán ghét, không giận dữ, giải khắp hạnh của các thế gian, gọi là xả, gọi là bốn vô lượng.

Sao nói là định của bốn vô sắc?

Đáp: Như Tỳ-kheo lia tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy ngăn ấy tướng, thành tựu hạnh vô biên Không xứ, lia tất cả Không xứ, thành tựu hạnh Thức xứ, lia tất cả Thức xứ, thành tựu hạnh Bất dụng xứ, lia tất cả Bất dụng xứ, thành tựu hạnh Phi tướng Phi phi tướng, gọi là định của bốn vô sắc.

Sao nói là bốn hướng đạo?

Đáp: Hướng đạo khổ khó làm, hướng đạo khổ thực hành nhanh chóng, hướng đạo vui khó làm, hướng đạo vui thực hành nhanh chóng.

Sao nói là hướng đạo khổ khó làm? Như Tỳ-kheo tánh nặng về tham dục, tánh nặng về giận dữ, tánh nặng về ngu si. Tỳ-kheo này hành đạo vì ngăn ngừa dục nhiễm, nên thường bị lo khổ, vì ngăn ngừa sự giận dữ, nên thường bị khổ lo, vì ngăn ngừa sự ngu si, nên thường bị khổ lo.

Tỳ-kheo này đối với hạnh chậm lụt nơi năm căn Thánh năm căn gồm: tín, tiến, niệm, định, huệ vì hành chậm lụt của năm căn Tỳ-kheo này, chứng định Vô gián, dứt hết các lậu, gọi là hướng đến đạo khổ khó thực hành.

Hỏi: Thế nào là hướng đạo khổ thực hành nhanh? Như Tỳ-kheo, tánh nặng về tham dục, sân hận, ngu si. Tỳ-kheo hành đạo vì ngăn ngừa dục nhiễm, nên thường bị khổ âu lo. Do Tỳ-kheo thực hành năm căn bèn nhảy của bậc Thánh. Năm căn là tín, tiến, niệm, định, tuệ. Do Tỳ-kheo thực hành năm căn nhảy bèn, nên chóng chứng định Vô gián, dứt

hết các lậu, gọi là hưởng đạo khổ thực hành nhanh.

Sao nói là hưởng đến đạo vui khó thực hành? Như Tỳ-kheo tánh nhẹ về dục nhiễm, tánh nhẹ về giận dữ, tánh nhẹ về ngu si, Tỳ-kheo này vì duyên dục nhiễm ít, nên không thường bị khổ lo, vì nhẹ về duyên giận dữ nên không thường bị khổ lo, vì duyên ngu si ít, nên không thường bị khổ lo. Vì hành chậm lụt nơi năm căn bậc Thánh của Tỳ-kheo. Năm căn gồm: tín, tiến, niệm, định, huệ căn. Do hành chậm lụt nơi năm căn của Tỳ-kheo, chứng định Vô gián, dứt hết các lậu, gọi là hưởng đến đạo vui khó thực hành.

Sao nói là hưởng đến đạo vui thực hành nhanh chóng? Như Tỳ-kheo, tánh nhẹ về tham dục, tánh nhẹ về giận hờn, tánh nhẹ về ngu si. Tỳ-kheo này hành đạo vì duyên nhẹ về dục nhiễm nên không thường bị khổ lo vì duyên nhẹ về giận dữ, nên không thường bị khổ lo, vì duyên nặng về ngu si, nên không thường bị khổ lo. Năm căn Thánh của Tỳ-kheo này rất nhạy bén. Năm căn đó là: tín, tiến, niệm, định, huệ căn. Do hành nhạy bén năm căn của Tỳ-kheo, chứng định Vô gián, dứt hết các lậu, gọi là hưởng đến đạo vui thực hành nhanh chóng. Đó gọi là bốn hưởng đạo.

Sao nói là bốn tu định?

Đáp: Như Thế tôn nói: Bốn tu định, bốn tu định là: có thân cận tu định, thường tu học được hạnh vui hiện đời. Có thân cận tu định, thường tu học được tri kiến. Có thân cận tu định, thường tu học được huệ phân biệt. Có khi tu gần gũi định, thường tu học được lậu tận.

Sao nói là thân cận tu định, thường tu học được hạnh vui hiện đời? Như Tỳ-kheo lìa pháp dục ác bất thiện, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hạnh Sơ thiền. Diệt giác quán, tín nội tịnh, nhất tâm, định không có giác, không có quán sinh hỷ lạc, thành tựu hạnh Nhị thiền. Lìa hạnh hỷ xả, niệm, chánh trí, thân thọ vui, như hạnh giải xả niệm lạc của các bậc Thánh, thành tựu hạnh Tam thiền. Dứt khổ, vui, trước diệt ưu, hỷ, bất khổ bất lạc xả, niệm tịnh, thành tựu hạnh Tứ thiền. Như thế, gần gũi với tu định, thường tu học được hạnh vui hiện đời.

Sao nói là gần gũi tu định, thường tu học được tri kiến? Như Tỳ-kheo khéo nhận lấy tốt tướng ánh sáng, gìn giữ tốt tướng ban ngày. Tỳ-kheo như ban ngày, tu tướng ánh sáng, ban đêm cũng như thế. Như ban đêm tu tướng ánh sáng, ban ngày cũng như thế. Do tâm khai ngộ, không che lấp tâm, tâm tu có ánh sáng, gần gũi định này, thường tu học được tri kiến.

Sao nói là gần gũi tu định, thường tu học được huệ phân biệt? Như

Tỳ-kheo biết thọ sinh, biết thọ trụ, biết thọ diệt, biết tướng sinh, biết tướng trụ, biết tướng diệt, biết giác sinh, biết giác trụ, biết giác diệt. Như thế, gần gũi định này, thường tu học được huệ phân biệt.

Sao nói là Thân cận tu định, thường tu học được lậu tận? Như Tỳ-kheo biết sự sinh diệt của năm thọ ấm, biết sắc, biết tập sắc, biết sắc diệt, biết thọ, tướng, hành, thức, biết tập thức, biết thức diệt. Thân cận định này, thường tu học được lậu tận. Như kinh Ba-La-Diên đã hỏi: dứt tất cả tướng dục, diệt ưu não, bỏ thù miên, ngăn ngừa trạo cử, hối, xả, niệm tịnh, trước diệt giác, biết giác, giải thoát, dứt vô minh, gọi là bốn tu định.

Sao nói là bốn dứt?

Đáp: Giới dứt, gìn giữ vi tế dứt, tu dứt, biết duyên dứt.

Sao nói là giới dứt? Như Tỳ-kheo, mắt thấy sắc, không nhận lấy tướng, không phân biệt, khiến phát ra nhãn căn, thường tự nhiếp giữ hạnh, đừng dựa vào hy vọng nỗi lo của thế gian là pháp ác bất thiện, gìn giữ nhãn căn, được giới của nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý biết pháp, không chấp tướng, phân biệt khiến khởi ý căn, thường tự nhiếp giữ hạnh, chớ dựa vào hy vọng ở pháp ác bất thiện là nỗi lo của thế gian, gìn giữ căn thân ý căn, được giới của ý căn, gọi là giới dứt.

Sao nói là gìn giữ vi tế dứt? Như Tỳ-kheo chấp tướng thiện sinh gìn giữ vi tế. Hoặc đốt xương, hoặc tế bào sưng, hoặc sinh trướng, hoặc xanh, bầm, hoặc màu đỏ, đen, hoặc rã nát, chia lìa. Quán như thế, tướng tốt sinh gìn giữ vi tế, gọi là gìn giữ vi tế dứt.

Nói tu dứt là gì? Như Tỳ-kheo tu niệm chánh giác, nương tựa lìa dục, nương tựa không có nhiễm, nương tựa diệt ái, trạch pháp, chánh giác, tiến chánh giác, hỷ chánh giác, trừ chánh giác, định chánh giác, tu xả chánh giác, y chỉ lìa dục, y chỉ vô nhiễm, y chỉ diệt ái, gọi là tu dứt.

Sao nói là trí duyên dứt? Như Tỳ-kheo, hoặc ở ngoài trời dưới cội cây, nghĩ rằng: Báo của hành ác bất thiện của thân, đời nay và đời sau, như Tỳ-kheo có thể nhẫn dứt hành vi ác của thân, tu hành vi thiện của thân, báo của hành vi bất thiện của miệng trong đời nay và đời sau, như Tỳ-kheo gắng nhẫn dứt hành vi ác của miệng, tu hành vi thiện của miệng, báo ác của hành vi bất thiện của ý ở đời nay, và đời sau, nếu Tỳ-kheo có thể nhẫn dứt hành vi bất thiện của ý, tu hành vi thiện của ý, gọi là trí duyên dứt.

Hộ giới duyên tu dứt

Như lai nói tự tánh

Tỳ-kheo hành pháp này

*Tất cả mé khổ hết
Gọi là bốn dứt trí.
Sao nói là năm căn?*

Đáp: Tín căn, tiến căn, niệm căn, định căn, huệ căn, gọi là năm căn. Năm lực cũng như thế.

Sao nói là năm xứ giải thoát?

Đáp: Nghĩa là Tỳ-kheo không buông lung, siêng niệm, chánh trí, hành vắng lặng, tâm chưa giải thoát, được giải thoát, các lậu chưa hết, được hết, chưa được sự yên ổn vô thượng, được yên ổn.

Sao nói là năm?

Đáp: Hoặc Đức Thế Tôn vì Tỳ-kheo nói pháp, hoặc thầy nói, hoặc người huệ phạm tịnh hạnh nói, thuận theo Như lai nói, hoặc sư, hoặc người huệ phạm tịnh hạnh nói.

Nghe rồi, rồi, thọ pháp, nghĩa, thọ nhận pháp nghĩa rồi, sinh đẹp lòng, đẹp lòng rồi, nấy sinh vui mừng, vui mừng rồi, thân được trừ, thân được trừ rồi, thì được niềm vui, được niềm vui rồi, tâm định, tâm định rồi, tri kiến như thật. Như Tỳ-kheo không buông lung, siêng niệm, chánh trí, hạnh vắng lặng, tâm chưa giải thoát, được giải thoát, các lậu chưa hết, được hết, chưa được sự yên ổn vô thượng, được yên ổn, gọi là xứ giải thoát đầu tiên.

Lại nữa, Tỳ-kheo! không phải khi Đức Thế tôn, không phải sư, không phải người huệ phạm tịnh hạnh nói. Như pháp đã nghe trước kia, đọc tụng rộng, thông suốt, nhạy bén. Như pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, đọc tụng rộng, thông suốt nhạy bén, thọ nhận pháp, nghĩa, như Tỳ-kheo thọ nhận pháp, nghĩa rồi, sinh ra sự hài lòng, sinh hài lòng rồi, sinh ra mừng, mừng rồi, được thân trừ, thân trừ rồi, thọ nhận niềm vui, thọ nhận niềm vui rồi, tâm định, tâm định rồi, tri kiến như thật.

Tỳ-kheo không buông lung như thế, siêng năng niệm, chánh trí, hành vắng lặng, tâm chưa giải thoát, được giải thoát, các lậu chưa hết, được hết, chưa được sự yên ổn vô thượng, được yên ổn, gọi là xứ giải thoát thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phải khi Đức Thế tôn, không phải sư, không phải người huệ phạm tịnh hạnh nói pháp, chẳng phải pháp đã nghe trước kia, đọc tụng rộng, thông suốt. Như pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia đã thông suốt, vì người mà nói rộng. Như Tỳ-kheo theo pháp đã nghe trước kia thông suốt, rộng vì người nói, thọ nhận pháp, nghĩa. Tỳ-kheo đã thọ nhận pháp, nghĩa rồi, sinh ra sự hài lòng, hài lòng rồi, sinh ra vui mừng, vui mừng rồi, được thân trừ, thân trừ rồi, được vui,

được vui rồi, tâm định, tâm định rồi, thấy biết như thật.

Tỳ-kheo không buông lung như thế, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh trí, tâm chưa giải thoát, được giải thoát, các lậu chưa hết, được lậu tận, chưa được sự yên ổn vô thượng, được yên ổn, gọi là xứ giải thoát thứ ba.

Lại nữa, Như Tỳ-kheo, chẳng phải khi Đức Thế tôn, không phải sư, không phải người huệ phạm tịnh hạnh giảng nói chẳng phải pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, đọc tụng rộng, thông suốt, chẳng phải pháp đã nghe trước kia, thông suốt, rộng vì người khác phân biệt. Như pháp Tỳ-kheo nghe trước kia thông suốt một cách nhạy bén, với tự tâm phân biệt. Như Tỳ-kheo pháp đã nghe trước kia thông suốt, tự tâm phân biệt. Như Tỳ-kheo tùy theo pháp đã nghe thông suốt, tự tâm phân biệt thọ nhận pháp nghĩa. Tỳ-kheo thọ nhận pháp nghĩa rồi, sinh đẹp lòng, đẹp lòng rồi, sinh ra vui mừng, vui mừng rồi, sinh hỷ, hỷ rồi được thân khinh an, thân khinh an rồi, thọ nhận niềm vui, thọ nhận niềm vui rồi, tâm định, tâm định rồi, tri kiến như thật.

Tỳ-kheo không buông lung như thế, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh trí, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa hết, được lậu hết, chưa được yên ổn vô thượng, được yên ổn, gọi là xứ giải thoát thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phải khi Đức Thế tôn, không phải sư, không phải người huệ phạm tịnh hạnh nói pháp, chẳng phải pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, khi đọc tụng rộng, thông suốt, chẳng phải pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, thông suốt, rộng vì người mà phân biệt, chẳng phải pháp đã nghe trước kia thông suốt, lúc tự tâm phân biệt, như Tỳ-kheo khéo nhận lấy tướng định, tư duy tốt, giải thích tốt. Tỳ-kheo khéo nhận lấy định tướng, tư duy tốt, giải thích tốt rồi, thọ nhận pháp nghĩa. Thọ nhận pháp nghĩa rồi sinh đẹp lòng, đẹp lòng rồi sinh mừng, sinh mừng rồi được thân khinh an, thân khinh an rồi thọ nhận niềm vui, thọ nhận niềm vui rồi tâm định, tâm định rồi tri kiến như thật.

Tỳ-kheo không buông lung như thế, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh trí, tâm chưa giải thoát, được giải thoát, các lậu chưa hết, được lậu tận, chưa được yên ổn vô thượng, được yên ổn, gọi là xứ giải thoát thứ năm. Đó gọi là năm xứ giải thoát.

Năm giới xuất, như trong phẩm Giới đã nói.

Thế nào là năm định quán? Như kinh Chánh Tín nói: Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Lại có pháp vô thắng như Đức Thế Tôn nói pháp nhập định quán. Bạch Đức Thế Tôn! Có nhập định

quán này, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, siêng năng, tinh tiến mạnh mẽ, chánh tư duy, học nhiều tâm hạnh, như pháp tư duy nhập định, nhập định rồi, quán thân từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, cho đến lớp da mỏng đều là bất tịnh, gọi là nhập định quán đầu tiên.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, siêng năng tinh tiến, mạnh mẽ, chánh tư duy, học nhiều tâm hạnh, như pháp tư duy nhập định, nhập định rồi, không quán da, máu, thịt, chỉ quán xương người. Trong thân này có xương răng móng gọi là nhập định quán thứ hai.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tiến, mạnh mẽ, chánh tư duy, học nhiều tâm hạnh, đúng như pháp tư duy nhập định. Nhập định rồi, không quán da, máu, thịt, xương, chỉ quán thức của con người, thức trụ đời này, trụ đời khác, thức chưa dứt, không lìa hai đời, gọi là nhập định quán thứ ba.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tiến mạnh mẽ, chánh tư duy, học nhiều hành tâm, đúng như pháp tư duy nhập định, nhập định rồi, không quán da, máu, thịt, xương. Lại quán thức của con người, thức không dừng lại ở đời này, mà dừng lại ở đời khác, thức dứt lìa đời này, chưa dứt lìa đời khác, gọi là nhập định quán thứ tư.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tiến mạnh mẽ, tâm chánh tư duy, học nhiều hành tâm, đúng như pháp tư duy nhập định. Nhập định rồi, không quán da, máu, thịt, xương, lại quán thức con người, thức không trụ đời này, không trụ đời khác, thức dứt khéo lìa hai đời, gọi là nhập định quán thứ năm.

Như thế, nhập định quán vô thắng, nghĩa là Đức Thế Tôn khéo biết không có gì vượt hơn, Đức Thế Tôn khéo thông đạt, không ai có thể vượt hơn, như chỗ nhận biết của ý ta, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, có thể biết vượt hơn Đức Thế Tôn thì không có việc này. Đó gọi là nhập định quán thứ năm.

Sao nói là năm pháp khởi giải thoát?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Gắn gũi năm pháp, thường tu học rồi đã được giải thoát.

Năm pháp ấy là:

1. Như Tỳ-kheo quán tưởng thân bất tịnh.
2. Quán tưởng thức ăn bất tịnh.
3. Quán tưởng các hành vô thường.
4. Quán tưởng thế gian không vui.
5. Quán tưởng thân chết.

Gắn gũi với năm pháp như thế, thường tu học, có thể được giải

thoát, gọi là năm pháp khởi giải thoát.

Hỏi: Thế nào là sáu niệm?

Đáp: là niệm Phật cho đến niệm thiên.

Sao nói là niệm Phật? Lấy Phật làm cảnh giới, niệm thuận với thiện, không trái nghịch, gọi là niệm Phật.

Sao nói là niệm pháp? Dùng pháp làm cảnh giới, niệm thuận với điều thiện, không trái nghịch, gọi là niệm pháp.

Sao nói là niệm Tăng? Dùng tăng làm cảnh giới, niệm thuận với thiện, không trái nghịch gọi là niệm Tăng.

Sao nói là niệm giới? Giới, nghĩa là giới của thân, miệng, lấy giới làm cảnh giới, niệm thuận với việc thiện, không trái nghịch, gọi là niệm giới.

Sao nói là niệm thí? Thí có hai thứ: Tài thí và pháp thí, dùng thí làm cảnh giới, nghĩ đến điều thiện thuận, không trái nghịch, gọi là niệm thí.

Sao nói là niệm thiên? Nếu vượt qua dứt thực, hóa sinh lên cõi trời. Vị trời kia không quán nghiệp đời trước, không phân biệt nghiệp đời trước, dùng trời làm cảnh giới, niệm thuận với điều thiện không trái nghịch, gọi là niệm thiên. Đó gọi là sáu niệm.

Sáu không như đã nói trong tam- muội Không. Sáu giới xuất như trong phẩm Giới đã nói.

Sao nói là sáu minh pháp phần?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Gần gũi sáu pháp, thường tu học phát sinh được phần minh, làm cho minh rộng lớn.

Sáu pháp đó là:

1. Tưởng vô thường.
2. Tưởng vô thường khổ.
3. Tưởng khổ vô ngã.
4. Tưởng thức ăn bất tịnh.
5. Tưởng tất cả thế gian không vui.
6. Tưởng chết.

Sao nói là tưởng vô thường là pháp phần minh?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ở ngoài trời dưới cội cây, nghĩ rằng: sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức đều vô thường. Nếu năm thọ ấm như thế, quán hành vô thường, như Đức Thế Tôn nói: “Ba tướng của pháp hữu vi: sinh, trụ, diệt. Như thế, Tỳ-kheo tư duy sinh, trụ, diệt, tu điều phục tâm cho nhu hòa, nhu hòa rồi, tư duy sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Người tu hành nếu tưởng, tưởng nhớ thì gọi là

tưởng vô thường. Gắn gũi, thường tu học, gắn gũi, thường tu học rồi, sinh ra minh, được minh, được phần minh, làm cho minh được rộng lớn, gọi là pháp phần minh của tưởng vô thường.

Sao nói là phần minh của tưởng vô thường khổ?

Đáp: Như Tỳ-kheo, hoặc ở ngoài trời dưới cội cây, tư duy sắc vô thường như thế. Nếu vô thường thì là khổ; Thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nếu vô thường, tất nhiên là khổ. Cũng thế, quán hành khổ của năm thọ ấm, như Đức Thế Tôn nói: Nếu sắc sinh, trụ, tức là sinh khổ, có bệnh, có già chết. Nếu thọ, tưởng, hành, thức có sinh, trụ, tức là sinh khổ, có bệnh, có già chết.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói ba khổ: khổ hành, khổ khổ, khổ biến dịch.

Sao nói là hành khổ? Tự tánh của hành nơi năm thọ ấm là khổ hành, hoặc tự tướng là khổ khổ, gọi là khổ hành.

Sao nói là khổ khổ? Tự tánh của hành nơi năm thọ ấm là khổ. Sinh cùng sinh, khởi cùng khởi, xuất cùng xuất, thành tựu đầy đủ, sinh các thứ bệnh: nhân nhiệt sinh bệnh. Do nóng ẩm, do gió, do quá sức, do người khác xúc não, do thời tiết biến đổi, do các đại mâu thuẫn với nhau, do thức ăn, uống không tiêu, do nghiệp báo đời trước, do các đại không điều hòa, sinh bệnh. Sinh bệnh mắt, bệnh tai, mũi, lưỡi, thân, nhức đầu, đau mắt, nhức cổ họng, miệng, bệnh đau hông, sinh bệnh “Xà thân”, đau nhức đường hô hấp, bệnh cổ trướng, bệnh ói mửa, sinh bệnh mụn đinh, bệnh đau bụng, thân nóng, sinh bệnh hắc lao, ghẻ lở, phong, xâm dâm, nhọt, ung thư, bệnh hủ trắng, hủ khô, bệnh cuồng loạn, sinh bệnh trĩ, bệnh đái hạ, bệnh sưng đỏ, bệnh sâu trùng đục khoét v.v... bọ chết, muỗi, mòng, kiến. Thân này dù chỉ chỗ một sợi lông đều có trùng. Như trên chứng sưng nơi ung nhọt của con người, sinh ra thứ sưng độc hại, nổi khổ của tánh hành nơi năm thọ ấm cũng như thế.

Sinh cùng sinh, khởi cùng khởi, xuất cùng xuất, thành tựu đầy đủ, sinh vô số thứ bệnh. Nhân nóng sinh bệnh, cho đến chỗ một sợi lông cũng đều có trùng, gọi là khổ khổ.

Sao nói là khổ biến dịch? Như hành của năm thọ ấm chuyển biến, suy kém thành thực, hư rã, tận diệt, sau cùng, mất, lìa, diệt, gọi là khổ biến dịch.

Như Tỳ-kheo đối với khổ hành, khổ khổ, khổ biến dịch kia, tu điều phục tâm, sao cho mềm mỏng, mềm mỏng rồi, tư duy sắc khổ, tư duy khổ của thọ, tưởng, hành, thức. Như người tu hành, nếu tưởng tưởng nhớ, gọi là tưởng vô thường khổ, gắn gũi, thường tu học, sinh minh,

được minh, được phần minh, có thể khiến cho mình rộng lớn, gọi là pháp phần minh của tướng vô thường khổ.

Sao nói là pháp phần minh của tướng khổ vô ngã?

Đáp: Như Tỳ-kheo, ở ngoài trời dưới cội cây, tư duy sắc vô thường như thế. Nếu vô thường, tức là khổ, khổ khổ, tức vô ngã. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nếu vô thường, tức là khổ, nếu khổ tức là vô ngã. Nếu với tướng này, quán hành vô ngã của năm thọ ấm, như Đức Thế Tôn nói sắc vô ngã. Nếu sắc là ngã thì sắc lẽ ra không bị bệnh khổ, lẽ ra sắc phải được tự tại, có như thế, chẳng phải có như thế. Vì sắc chẳng phải Ngã nên sắc bị khổ hoại, sắc không được tự tại, có như thế, chẳng phải có như thế. Thọ tưởng, hành, thức không có ngã. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là ngã thì thức lẽ ra không bị khổ hoại, lẽ ra thức phải được tự tại, có như thế, không phải có như thế. Như Tỳ-kheo, như thế tu điều phục tâm cho nhu hòa, nhu hòa rồi, tư duy sắc không có ngã, thọ, tưởng, hành, thức đều không có ngã. Như người tu hành, nếu tướng, nhờ tướng thì gọi là tướng khổ vô ngã, gần gũi, thường tu học sinh minh, được minh, được phần minh, làm cho mình rộng lớn, gọi là pháp phần minh của tướng khổ vô ngã.

Sao nói là pháp phần minh của tướng thức ăn bất tịnh?

Đáp: Ăn là gì? Ăn có bốn thứ: Đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Như Đức Thế Tôn nói: Chúng sinh có bốn thứ ăn. Ăn thức ăn này, giúp cho chúng sinh trụ, làm cho ấm hòa hợp, có được lợi ích. Bốn thứ ấy là:

1. Đoàn thực.
2. Xúc thực.
3. Tư thực.
4. Thức thực.

Đoàn thực là gì?

Đoàn thực có hai thứ: thô và tế.

Sao nói là Đoàn thực thô? Trừ thức ăn tịnh của trời, thức ăn hương của trời, trừ thức ăn điều hòa thân: y phục, tắm gội, các thức ăn khác là Đoàn thực, gọi là Đoàn thực thô.

Sao nói là Đoàn thực tế? Thức ăn tịnh của trời, thức ăn hương của trời, thức ăn điều hòa thân, y phục, tắm gội, gọi là Đoàn thực tế.

Lại nữa, Đoàn thực thô, trừ thức ăn hương, trừ thức ăn y phục, tắm gội, thức ăn khác là Đoàn thực, gọi là Đoàn thực thô.

Lại nữa, Đoàn thực tế: thức ăn hương của trời, thức ăn: y phục, tắm gội, điều hòa thân, gọi là Đoàn thực tế.

Sao nói là xúc thực?

Có sáu xúc: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, gọi là xúc thực.

Sao nói là tư thực?

Sáu tư thân: sắc tư, thanh, hương, vị, xúc, pháp tư, gọi là sáu tư thân. Đó gọi là tư thực.

Thức thực là gì? Sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức, gọi là sáu thức thân. Đó gọi là thức thực.

Đoàn thực, hoặc là ăn, hoặc chẳng phải ăn, xúc, tư, thức thực, hoặc là ăn, hoặc chẳng phải ăn.

Sao nói là Đoàn thực là ăn? Nếu duyên Đoàn thực thì sẽ được các căn tăng trưởng, không tổn hoại, không giảm thọ, gọi Đoàn thực là ăn.

Thế nào là Đoàn thực không phải ăn? Nếu duyên Đoàn thực, thì các căn sẽ không tăng trưởng, tổn hoại, giảm tuổi thọ, gọi là Đoàn thực chẳng phải ăn.

Sao nói là xúc, tư, thức thực là ăn? Nếu duyên thức thực thì các căn sẽ tăng trưởng, không tổn hoại, không giảm tuổi thọ, gọi là thức thực là ăn.

Sao nói là thức thực chẳng phải ăn? Nếu duyên thức thực, thì các căn sẽ không tăng trưởng, mà còn tổn hoại, giảm tuổi thọ nữa, gọi là thức thực chẳng phải ăn. Tỳ-kheo thọ dứt thực, như ăn thịt con, quán tưởng bất tịnh. Xúc, tư, thức thực có tưởng giải thoát, tư duy diệt, dựa vào sự lìa bỏ dục nhiễm, như người tu hành nếu tưởng nhớ tưởng gọi là tưởng thức ăn bất tịnh, gần gũi, thường tu học rồi, sinh ra minh, được minh, được phần minh, có thể khiến cho minh rộng lớn, gọi là pháp phần minh của tưởng thức ăn bất tịnh.

Sao nói là pháp phần minh của tưởng không ưa thích tất cả thế gian?

Đáp: Như Tỳ-kheo chán lìa không ưa đối với tất cả thế gian, chán lìa không ưa thích đời địa ngục, đời súc sinh, đời ngạ quỷ, đời của người, đời của trời, đời chúng sinh, đời của hành. Như Tỳ-kheo, đối với thế gian này, có tâm nhận lấy, tất nhiên chấp theo kiến giải của mình. Như Tỳ-kheo dứt lìa không thọ nhận các kiến như thế, như người tu hành, nếu tưởng nhớ tưởng, gọi là tưởng tất cả thế gian không vui. Gần gũi, thường tu học rồi, sinh ra minh, được minh, được phần minh, có thể làm cho minh rộng lớn, gọi là pháp phần minh của tưởng tất cả thế gian không vui.

Sao nói là pháp phần minh của tưởng chết?

Đáp: Như Tỳ-kheo, hoặc ở ngoài trời dưới gốc cây, nghĩ rằng: Ta

là pháp chết, có lỗi lầm tai hại của cái chết. Nếu chúng sinh khác, cũng có pháp chết, có lỗi lầm tai hại của cái chết, nếu địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời và tất cả chúng sinh sống chết qua lại, được gọi là chúng sinh, đều có pháp chết có lỗi của cái chết.

Tỳ-kheo tư duy ấm hư hoại, xả thân, nghĩ đến cái chết. Tỳ-kheo nghĩ đến cái chết, biết cái chết, giải cái chết, giác ngộ cái chết. Như người tu hành nếu tưởng nhớ tưởng, gọi là tưởng chết. Gân gỏi, thường tu học rồi, sinh minh, được minh, được phần minh, khiến cho minh rộng lớn, đây nói là pháp phần minh của tưởng chết. Đó gọi là sáu phần pháp minh.

Sao nói là sáu pháp nhân được vui lòng?

Đáp: Như Tỳ-kheo vui lòng rồi sinh ra mừng, mừng rồi được thân khinh an, thân khinh an rồi thọ nhận niềm vui, thọ nhận niềm vui rồi tâm định, tâm định rồi thấy biết như thật, gọi là sáu pháp nhân được duyệt.

Sao nói là sáu chánh giác không có hỷ?

Đáp: Niệm chánh giác cho đến xả chánh giác, gọi là sáu chánh giác không có hỷ.

Sao nói là bảy chánh giác?

Đáp: Niệm chánh giác cho đến xả chánh giác, gọi là bảy chánh giác.

Sao nói là bảy tưởng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Gân gỏi bảy tưởng, thường tu học, được công đức lớn, được đến cam lộ.

Sao nói là bảy tưởng bất tịnh về thức ăn?

1. Tưởng nhàm chán.
2. Tưởng tất cả thế gian không vui.
3. Tưởng chết.
4. Tưởng vô thường.
5. Tưởng khổ vô thường.
6. Tưởng khổ vô ngã.
7. Nói là tưởng bất tịnh.

Gân gỏi, thường tu học, thường tu học rồi, được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cam lộ.

Do duyên gì mà tạo ra thuyết này?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm biết phân biệt tưởng bất tịnh, sao cho tâm đục lùì mất, không mở rộng, sẽ dần dần trừ sạch, nhàm chán lìa bỏ rồi, chánh trụ, như gân mạch, như lông chim, như cỏ đầu la bỏ vào lửa, sẽ bị

cháy rụi, co rút lại, không mở ra, sau đó tiêu hết. Như thế, tâm Tỳ-kheo biết phân biệt tướng bất tịnh, khiến tâm dục lụi mất, không phát triển, sau đó tiêu hết, nhàm chán lia bỏ sau rồi chánh trụ. Như Tỳ-kheo hoặc có tâm biết phân biệt tướng bất tịnh, đối với tướng dục, tâm vẫn còn nảy sinh thắm nhuần lậu như cũ không khác, tâm không lia bỏ, không nhàm lia, không chánh trụ. Tỳ-kheo tự biết như thật, ta chưa tu tướng bất tịnh, ta chưa tăng ích khác với danh sắc, ta vẫn chưa được quả báo tu. Như thế, Tỳ-kheo có chánh trí, như tâm Tỳ-kheo biết phân biệt tướng bất tịnh, đối với tướng dục, tâm không sinh lậu thắm nhuần, so với trước có khác, nhàm chán lia bỏ được chánh trụ. Tỳ-kheo như thật chánh tri: Ta đã tu tướng bất tịnh, ta đã có tăng ích khác với danh sắc, ta đã được quả báo tu.

Tỳ-kheo này đã có chánh trí, hành tướng bất tịnh, gần gũi thường tu học rồi, được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cam lộ.

Vì nhân duyên này, nên nói: tướng như ăn vật bất tịnh, gần gũi thường tu học rồi được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cam lộ.

* * * * *